

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**  
Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 02-02-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thảo Nguyên  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Phương  
Bà Phan Thị Sơn
- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 355/2023/TLST- HNGĐ ngày 03/10/2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: khu phố Ô, phường T1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)
- Bị đơn:** Ông Phạm Minh Hoài H, sinh năm: 1982. HKTT: ấp L, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: khu phố V, phường T1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Minh Hoài H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 27/9/2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm, cách sống trái ngược nhau. Bên cạnh đó, ông H còn ham mê đá gà, không quan tâm chăm sóc gia đình, có xu hướng bạo lực trong quan hệ vợ chồng. Mặc dù bà đã cố níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình ngột ngạt, áp lực nên bà ra ngoài ở từ năm 2021. Từ đó đến nay, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.

Nay vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà xin tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là: Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 20/9/2005 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Minh L, sinh ngày 22/12/2010. Hiện cháu T, cháu L đang sống với ông H. Do điều kiện công việc thường xuyên đi công tác xa nhà nên bà xin giao cháu L cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Trước nay các khoản tiền học, sách vở, quần áo của cháu L vẫn do bà chi trả. Sau khi ly hôn, bà vẫn tiếp tục chi trả cho cháu L các khoản này nên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Minh Hoài H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Minh L 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành.

- Bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

<sup>[1]</sup> Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện ông Phạm Minh Hoài H hiện đang cư trú tại khu phố V, phường T1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

<sup>[2]</sup> Về nội dung:

<sup>[2.1]</sup> *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Phạm Minh Hoài H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 27/9/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm, cách sống trái ngược nhau. Bên cạnh đó, ông H còn ham mê đá gà, không quan tâm chăm sóc gia đình, có xu hướng bạo lực trong quan hệ vợ chồng. Mặc dù bà đã cố níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình ngột ngạt, áp lực nên bà ra ngoài ở từ năm 2021. Từ đó đến nay, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông H không đến tòa làm việc. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, nhưng ông H không có văn bản ý kiến phản hồi. Điều này thể hiện ông H không những không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng. Từ đó xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông H, bà N mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

<sup>[2.2]</sup> *Về con chung*: Ông H, bà N có 02 con chung là: Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 20/9/2005 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Minh L, sinh ngày 22/12/2010.

Bà N xin được giao cháu L cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà N phù hợp với thực tế ông H là người trực tiếp nuôi cháu L từ khi vợ chồng bắt đầu không sống với nhau cho đến nay và phù hợp nguyện vọng của cháu L mong muốn được tiếp tục sống cùng cha. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, giao cháu Phạm Nguyễn Minh T cho ông H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Bà N không trực tiếp nuôi con nên phải cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp để chi phí cho các khoản nhu cầu thiết yếu trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tại địa phương nên được chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2024.

<sup>[2.3]</sup> *Về tài sản chung, nợ chung*: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

<sup>[3]</sup> Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc N.

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với ông Phạm Minh Hoài H.

*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Phạm Minh Hoài H có 02 con chung là: Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 20/9/2005 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Minh L, sinh ngày 22/12/2010. Sau khi ly hôn giao cháu Phạm Nguyễn Minh L cho ông Phạm Minh Hoài H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành (18 tuổi).

Bà Nguyễn Thị Ngọc N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2024.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người thi hành án không trả đủ số tiền nên trên thì hàng tháng người thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007455 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Ngọc N còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- UBND phường T1;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Trần Thị Thảo Nguyên**